TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/DS-ST
Ngày: 29/4/2022
"*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Như Quỳnh.

2. Bà Nguyễn Thị Tiến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 và ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-DS, ngày 28/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐ-TA, ngày 13/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng T**; Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thái Bình – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Kiên Giang, theo văn bản quyền quyền số 1449/2020/GUQ-PL ngày 01/6/2020. Địa chỉ chi nhánh: Số 279-281-283-285 Trần Phú, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Người được ủy quyền lại là ông Nguyễn Ngọc Nguyên K – Chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch K, theo giấy ủy quyền số 01/GUQ-CNKG ngày 26/3/2021. Có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông **Ngô Phúc L** – sinh năm 1974. Vắng mặt.

- Bà **Lý Nguyễn Cẩm V**– sinh năm 1975. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho ngân hàng T ông Nguyễn Ngọc Nguyên K trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 08/01/2018, Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Kiên Giang, phòng giao dịch K có cho ông Ngô Phúc L và bà Lý Nguyễn Cẩm Vvay số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số LD1800800853; Mục đích vay để tiêu dùng, sửa nhà, mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn vay là 48 tháng (đến hết ngày 08/01/2022); Lãi suất cố định 03 tháng đầu là 12%/năm, tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 04 trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất bằng LV13 + biên độ 4,4%/năm và được ngân hàng quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay. Ngày 09/01/2018, Ngân hàng tiến hành giải ngân số tiền 300.000.000 đồng cho ông L, bà Vtheo giấy nhận nợ số 1 ký ngày 09/01/2018. Khi vay, ông L, bà Vcó thế chấp tài sản là xe ô tô khách hiệu FORD TRANSIT, 16 chổ ngồi, màu bạc theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015504, biển kiểm soát 68B-015.45, do ông Ngô Phúc L đứng tên chủ sở hữu. Việc thế chấp tài sản được thực hiện theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5029412.1.1 ngày 08/01/2018. Sau khi vay ông L, bà Vcó thực hiện thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo kỳ hạng hàng tháng nhưng đến ngày 10/3/2020 ông L, bà Vkhông trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nữa. Tính đến ngày 12/01/2022 ông L, bà Vcòn nợ Ngân hàng số tiền là 178.974.285 đồng, trong đó nợ gốc là 137.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn 31.232.136 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.242.149 đồng.

Ngày 08/3/2018, Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Kiên Giang, phòng giao dịch K có cho bà Lý Nguyễn Cẩm Vvay số tiền 50.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số LD1806700673; Mục đích vay để tiêu dùng cán bộ nhân viên; Thời hạn vay là 36 tháng; Lãi suất là 8,4%/năm. Ngày 08/3/2018 Ngân hàng tiến hành giải ngân số tiền 50.000.000 đồng cho bà Vtheo giấy nhận nợ số 1 ký ngày 08/3/2018. Khoản vay này không áp dụng biện pháp bảo đảm. Khoản vay này bà Vcó thực hiện trả nợ gốc và lãi theo định kỳ đến ngày 25/4/2019, sau đó bà Vkhông trả nợ gốc và lãi nữa, đến tháng 10-11/2019 bà Vcó trả nợ gốc được số tiền 2.150.000 đồng, từ đó đến nay bà Vkhông có trả khoản nợ gốc và lãi lần nào nữa. Tính đến ngày 12/01/2022 bà Vcòn nợ Ngân hàng khoản vay này với số tiền là 45.626.656 đồng, trong đó nợ gốc là 29.806.000 đồng, nợ lãi trong hạn 10.667.960 đồng, nợ lãi quá hạn là 5.152.696 đồng.

Ngân hàng có yêu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng tín dụng số LD1800800853 ngày 08/01/2018 và Giấy nhận nợ số 1 ký ngày 09/01/2018 giữa Ngân hàng TMCP S chi nhánh Kiên Giang – Phòng giao dịch K với ông Ngô Phúc L và bà Lý Nguyễn Cẩm Vân; Hợp đồng tín dụng số LD1806700673 và Giấy nhận nợ số 1 ký ngày 08/3/2018 giữa Ngân hàng TMCP S chi nhánh Kiên Giang – Phòng giao dịch K với bà Lý Nguyễn Cẩm Vân. Tuy nhiên đến thời điểm xét xử thì 02 hợp đồng trên đã hết thời hạn nên ngân hàng xin rút lại yêu cầu đơn phương chấm dứt 02 hợp đồng, giấy nhận nợ nêu trên.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP S yêu cầu như sau:

1/ Yêu cầu ông Ngô Phúc L và bà Lý Nguyễn Cẩm Vthanh toán số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/4/2022 của cả hai khoản vay tổng cộng là 233.309.652 đồng, trong đó nợ gốc là 167.306.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 42.001.595 đồng, nợ lãi quá hạn là 24.002.057 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh sau ngày 29/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký.

2/ Yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5029412.1.1 ngày 08/01/2018 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nếu ông L, bà Vkhông có khả năng trả nợ.

Tại biên bản lấy lời khai bà Lý Nguyễn Cẩm Vtrình bày:

Tôi với ông Ngô Phúc L có vay của ngân hàng TMCP S - chi nhánh Kiên Giang - phòng giao dịch K số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng số LD1800800853 và ký giấy nhận nợ số 1 ngày 09/01/2018. Sau đó tiếp tục vay ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng theo hợp đồng số LD1806700673 và ký giấy nhận nợ số 1 ngày 08/3/2018. Khi vay tôi và ông L có thế chấp với ngân hàng 01 chiếc xe hiệu FORD TRANSIT, 16 chỗ ngồi, biển kiểm soát số 68B-015.45 do ông L đứng tên chủ sở hữu.

Sau khi vay tôi và ông L có trả cho ngân hàng được một số tiền gốc và lãi, số tiền trả cụ thể bao nhiêu tôi không nhớ rõ, vì tiền gốc và lãi do ông L trực tiếp đứng ra trả cho ngân hàng. Việc vay số tiền trên là do ông L trực tiếp giao dịch với ngân hàng, sau đó có kêu tôi ký tên vào hợp đồng vay. Hiện tại còn nợ số tiền bao nhiêu thì tôi không rõ, vì số tiền này do ông L tự vay và tự lo trả nợ, chiếc xe khách ông L chạy thu tiền để trả nợ ngân hàng.

Nay ngân hàng yêu cầu trả nợ thì tôi cũng đồng ý trả nợ cho ngân hàng nhưng tôi phải hỏi lại ông L vì ông L hỏi số nợ này ông L tự lo trả.

Tại biên bản lấy lời khai ông Ngô Phúc L trình bày:

Tôi thừa nhận vợ chồng tôi có vay tiền Ngân hàng TMCP S - chi nhánh Kiên Giang - phòng giao dịch K. Tôi cùng bà Vvà Ngân hàng TMCP S - chi nhánh Kiên Giang - phòng giao dịch K có ký hợp đồng tín dụng số LD1800800853 ngày 08/01/2018 và Giấy nhận nợ số 1 ký ngày 09/01/2018 để vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 48 tháng, thời điểm kết thúc hợp đồng là ngày 09/01/2022. Để đảm bảo cho khoản vay tôi và bà Vđã ký hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5029412.1.1 với Ngân hàng TMCP S chi nhánh Kiên Giang - phòng giao dịch K để thế chấp tài sản gồm xe ô tô khách hiệu FORD TRANSIT, 16 chổ ngồi màu bạc theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015504, biển kiểm soát 68B-015.45 do Công an tỉnh Kiên Giang – Phòng Cảnh sát giao thông cấp ngày 30/11/2017, do ông tôi đứng tên chủ sở hữu.

Sau khi vay tôi có trả nợ định kỳ cho Ngân hàng nhưng do thời gian năm 2020 xảy ra dịch bệnh nên tôi không chạy xe được và không trả nợ cho Ngân hàng đúng kỳ hạn. Tôi đã cố gắng trả nợ cho Ngân hàng nhưng do dịch bệnh nên có lúc chạy xe được lúc không.

Nay tôi đồng ý trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP S đối với khoản nợ của hợp đồng số LD1800800853 ngày 08/01/2018 và Giấy nhận nợ số 1 ký ngày 09/01/2018 với số tiền 300.000.000 đồng, tôi xin trả mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nếu tôi không thực hiện được việc trả nợ theo cam kết tôi đồng ý cho Ngân hàng phát mãi tài sản chế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đối với khoản nợ vay 50.000.000 đồng của bà Vvới Ngân hàng TMCP S, tôi không biết. Khoản vay này do bà Vvay khi còn công tác tại Trường tiểu học Kiên Bình, bà Vsử dụng tiền này để trang trải hụi nên tôi không liên quan gì đối với khoản

vay này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Vụ án còn để quá hạn so với quy định nên cần khắc phục trong thời gian tới. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông L, bà Vphải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Ngô Phúc L và bà Lý Nguyễn Cẩm Vcó nơi cư trú tại khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông L, bà Vđã được Tòa án tiến hành tống đạt văn bản theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt nhiều lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có căn cứ chấp nhận bởi lẽ, cả bà Vân, ông L đều thừa nhận có vay nợ và ký các hợp đồng tín dụng cũng như các giấy tờ nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo cho việc vay nợ với ngân hàng. Tuy nhiên trong quá trình thanh toán nợ cho ngân hàng thì ông, bà lại thực hiện không đúng cam kết trong hợp đồng dẫn đến vi phạm nghĩa vụ trả số tiền vay cả gốc và lãi.

Đối với ý kiến của ông L về khoảng vay 50.000.000 đồng của bà Vân, ông L không biết nên không đồng ý thanh toán cùng bà Vlà không có cơ sở vì số tiền bà Vvay trong thời kỳ hôn nhân với ông L và ông L cũng không chứng minh được việc bà Vdùng số tiền này vào việc riêng nên lời trình bày của ông L là không có cơ sở chấp nhận, xét đây là số nợ chung nên buộc bà Vân, ông L cùng trả là phù hợp.

Do ngân hàng xin rút lại yêu cầu chấm dứt 02 hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ giữa ngân hàng với ông L, bà Vnên xét đình chỉ đối với yêu cầu này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông L, bà Vbị buộc trả nợ nên phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 288, 317, 318, 323, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 145, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Buộc ông Ngô Phúc L và bà Lý Nguyễn Cẩm Vphải liên đới thanh toán cho Ngân hàng T số tiền theo hợp đồng tín dụng số LD1800800853 ngày 08/01/2018 là 187.319.342 đồng, trong đó tiền gốc là 137.500.000 đồng và tiền lãi là 49.819.342 đồng. Buộc Buộc ông Ngô Phúc L và bà Lý Nguyễn Cẩm Vphải thanh toán cho Ngân hàng T số tiền theo hợp đồng tín dụng số LD1806700673 ngày 08/3/2018 là 45.990.310 đồng, trong đó tiền gốc là 29.806.000 đồng và tiền lãi là 16.184.310 đồng. Tổng số tiền ông L, bà Vphải thanh toán là 233.309.652 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp ông Ngô Phúc L, bà Lý Nguyễn Cẩm Vkhông thanh toán nợ gốc, lãi theo quyết định của bản án nêu trên đối với khoản nợ của hợp đồng tín dụng số LD1800800853 ngày 08/01/2018, thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5029412.1.1 ngày 08/01/2018, được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/01/2018 là 01 xe ô tô khách hiệu FORD TRANSIT, 16 chỗ ngồi, biển kiểm soát số 68B-015.45, màu bạc, số khung: TGMCDER30695, số máy: RATORQ4D243H, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015504 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30/11/2017, chủ sở hữu là ông Ngô Phúc L.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp nếu còn thừa thì trả lại cho ông Ngô Phúc L, bà Lý Nguyễn Cẩm Vân. Nếu tài sản phát mại không đủ để trả nợ thì ông Ngô Phúc L, bà Lý Nguyễn Cẩm Vphải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng T cho cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Đình chỉ đối với yêu cầu tuyên bố chấm dứt hợp đồng tín dụng số LD1800800853 ngày 08/01/2018, Giấy nhận nợ số 1 ký ngày 09/01/2018 giữa Ngân hàng TMCP S chi nhánh Kiên Giang – Phòng giao dịch K với ông Ngô Phúc L và bà Lý Nguyễn Cẩm Vvà Hợp đồng tín dụng số LD1806700673, Giấy nhận nợ số 1 ký ngày 08/3/2018 giữa Ngân hàng TMCP S chi nhánh Kiên Giang – Phòng giao dịch K với bà Lý Nguyễn Cẩm Vân.

- Về án phí:

Buộc ông Ngô Phúc L và bà Lý Nguyễn Cẩm Vphải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.665.482 đồng.

Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.821.000 đồng theo lai thu số 0009045 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Quyền kháng cáo: Ngân hàng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô Phúc L và bà Lý Nguyễn Cẩm Vcó quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tænh Kieân Giang;
- VKSND tænh Kieân Giang;
- VKSND huyeän Kieân Löông;
- Chi cục THADS huyện Kieân Löông;
- Nhöõng ngöôøi TGTT;
- Löu taäp aùn, hoà sô;

TM. HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ THAÅM
THAÅM PHAÙN – CHUÛ TOAÏ PHIEÂN TOØA

Nguyễn Văn Pho